



tóng gān gòng kǔ

同甘共苦

idiom · to share both joys and hardships; to stick together through thick and thin

Example Sentences

tā men shì tóng gān gòng kǔ de hǎo péng yǒu
他们是同甘共苦的好朋友。

They are good friends who share joys and hardships.

zhè duì fū qī tóng gān gòng kǔ le jǐ shí nián
这对夫妻同甘共苦了几十年。

This couple has shared joys and sorrows for decades.

Trace each character, then write the word on your own.

同	同	同	同	同	同	同	同	同		
甘	甘	甘	甘	甘	甘	甘	甘	甘		
共	共	共	共	共	共	共	共	共		
苦	苦	苦	苦	苦	苦	苦	苦	苦	苦	苦